

## **Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

## MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 7
Báo cáo thu nhập	8
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	9
Báo cáo danh mục đầu tư	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 45
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (*)	46 - 55
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát (*)	56 - 57

(\*) Các báo cáo này được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát lập theo quy định tại Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài Chính ban hành và không phải là một phần của báo cáo tài chính.

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 37/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 7 năm 2017 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 28/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 11 năm 2017. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 7.677.986,96 chứng chỉ quỹ ("CCQ") với tổng giá trị là 76.779.869.600 VND, chiếm 153,56% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 204.907.092.300 VND tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Lầu 4, Manulife Plaza, số 75 Hoàng Văn Thái, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng HSBC") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. Ngân hàng HSBC được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán cấp ngày 10 tháng 12 năm 2013.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV"):

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 3 tháng 5 năm 2021, NAV được định giá hai (02) lần/tuần vào thứ Hai và thứ Sáu. Từ ngày 4 tháng 5 năm 2021, NAV được định giá (02) lần/tuần vào thứ Tư và thứ Sáu.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

Mục tiêu của Quỹ là đem đến thu nhập và tiềm năng tăng trưởng giá trị đầu tư vốn trong dài hạn thông qua việc phân bổ cân bằng vào các cổ phiếu và các chứng khoán có thu nhập cố định. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Chiến lược đầu tư của Quỹ được xây dựng trên nền tảng của quy trình đầu tư trái phiếu và cổ phiếu chuyên nghiệp, có kỷ luật cao với tầm nhìn trung và dài hạn. Tùy theo điều kiện thị trường, Quỹ sẽ phân bổ tỷ trọng hợp lý các cổ phiếu và chứng khoán có thu nhập cố định.

- ▶ Cổ phiếu: được đầu tư vào các cổ phiếu của các công ty hàng đầu có tiềm năng tăng trưởng tốt.
- ▶ Trái phiếu: Phần lớn được đầu tư vào các trái phiếu có độ rủi ro thấp như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện thị trường, một phần sẽ được đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp có mức lợi nhuận kỳ vọng tốt so với mức rủi ro tăng thêm.

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách nhiệm hữu hạn ("TNHH") Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 04/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005.

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Đinh Thế Hiển	Chủ tịch	Ngày 5 tháng 10 năm 2017
Ông Võ Sáng Xuân Vinh	Thành viên	Ngày 5 tháng 10 năm 2017
Bà Nguyễn Lê Bích Đào	Thành viên	Ngày 5 tháng 10 năm 2017

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo là bà Trần Thị Kim Cương - Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) - Công ty Quản lý Quỹ.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Tổng Giám đốc"), với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ: 



Ông Đinh Thế Hiển  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61431751/22700098

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Cân bằng Manulife (“Quỹ”), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2021 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)***

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam), là Công ty Quản lý Quỹ, (“Tổng Giám đốc”) chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

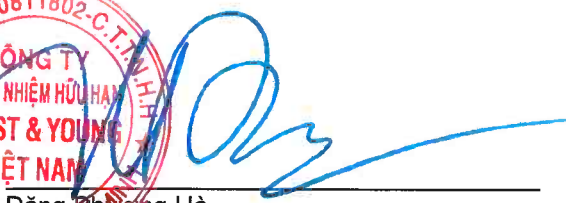
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

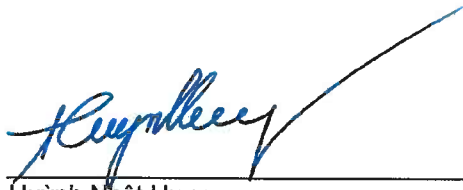
**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quý cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Đặng Phương Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1

  
Huỳnh Nhật Hưng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 5040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2022

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN</b>			
<b>110</b>	<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>73.312.091.483</b>	<b>8.859.417.725</b>
111	1. Tiền gửi ngân hàng		12.223.872.305	8.859.417.725
112	2. Tương đương tiền		61.088.219.178	-
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư thuần</b>		<b>233.682.110.140</b>	<b>158.732.026.630</b>
121	1. Các khoản đầu tư	6	233.682.110.140	158.732.026.630
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu</b>		<b>4.207.273.728</b>	<b>3.024.880.828</b>
136	1. Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận	7	2.469.502.728	3.024.880.828
137	2. Phải thu khác	7	1.737.771.000	-
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>311.201.475.351</b>	<b>170.616.325.183</b>
<b>300</b>	<b>B. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		181.552.158	81.778.046
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		9.103.644	2.156.835
316	3. Chi phí phải trả	8	135.377.344	159.400.000
317	4. Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		2.900.000	50.000.000
318	5. Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		1.054.287.044	-
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	9	363.062.153	204.439.711
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.746.282.343</b>	<b>497.774.592</b>
<b>400</b>	<b>C. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (C=A-B)</b>		<b>309.455.193.008</b>	<b>170.118.550.591</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		204.907.092.300	144.954.461.500
412	1.1 Vốn góp phát hành	10	280.243.603.100	186.964.273.100
413	1.2 Vốn góp mua lại	10	(75.336.510.800)	(42.009.811.600)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	10	27.511.243.900	2.789.815.528
420	3. Lợi nhuận lũy kế	11	77.036.856.808	22.374.273.563
<b>430</b>	<b>D. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>		<b>15.102</b>	<b>11.736</b>



## Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B02-QM

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	16	20.490.709,23	14.495.446,15

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)

  
Ông Đặng Trần Nhật Linh  
Người lập

  
Bà Lê Thị Kim Dung  
Kế toán trưởng

  
Bà Trần Thị Kim Cương  
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

## BÁO CÁO THU NHẬP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	<b>I. Thu nhập hoạt động đầu tư</b>		<b>58.937.665.506</b>	<b>25.815.006.772</b>
02	1. Cổ tức được chia	12	1.463.923.300	1.019.627.100
03	2. Tiền lãi được nhận	12	5.982.758.874	4.997.482.972
04	3. Lãi bán các khoản đầu tư	13	40.077.270.820	2.526.016.666
05	4. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	11.413.712.512	17.271.880.034
10	<b>II. Chi phí hoạt động đầu tư</b>		<b>495.840.911</b>	<b>286.452.676</b>
11	1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	14	495.840.911	286.452.676
20	<b>III. Chi phí hoạt động Quỹ mở</b>		<b>3.779.241.350</b>	<b>2.430.082.732</b>
20.1	1. Phí quản lý Quỹ	20.1	2.881.362.324	1.666.925.663
20.2	2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	216.004.573	202.789.004
20.3	3. Phí dịch vụ giám sát	20.2	71.545.218	65.999.997
20.4	4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.2	110.932.451	67.625.063
20.5	5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.2	154.838.435	107.191.036
20.7	6. Chi phí họp, Đại hội Quỹ		11.281.249	36.077.344
20.8	7. Chi phí kiểm toán		115.500.000	120.999.999
20.10	8. Chi phí hoạt động khác		217.777.100	162.474.626
23	<b>IV. Kết quả hoạt động đầu tư</b>		<b>54.662.583.245</b>	<b>23.098.471.364</b>
24	<b>V. Kết quả thu nhập khác và chi phí khác</b>		-	-
30	<b>VI. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>54.662.583.245</b>	<b>23.098.471.364</b>
31	1. Lợi nhuận đã thực hiện		43.248.870.733	5.826.591.330
32	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		11.413.712.512	17.271.880.034
40	<b>VII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")</b>		-	-
41	<b>VIII. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>		<b>54.662.583.245</b>	<b>23.098.471.364</b>

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)

Ông Đặng Trần Nhật Linh  
Người lập

Bà Lê Thị Kim Dung  
Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Kim Cương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2022


## Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife


BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

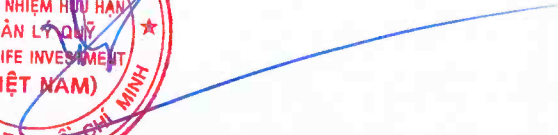
B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
I	<b>Giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ đầu năm</b>	<b>170.118.550.591</b>	<b>130.527.542.342</b>
II	<b>Thay đổi NAV trong năm</b>	<b>54.662.583.245</b>	<b>23.098.471.364</b>
1	<i>Trong đó:</i> - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	54.662.583.245	23.098.471.364
III	<b>Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ</b>	<b>84.674.059.172</b>	<b>16.492.536.885</b>
1	<i>Trong đó:</i> - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	132.354.060.689	31.707.384.259
2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(47.680.001.517)	(15.214.847.374)
IV	<b>NAV của Quỹ cuối năm</b>	<b>309.455.193.008</b>	<b>170.118.550.591</b>

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)

  
Ông Đặng Trần Nhật Linh  
Người lập

  
Bà Lê Thị Kim Dung  
Kế toán trưởng

  
Bà Trần Thị Kim Cương  
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (%)
I	<b>Cổ phiếu</b>			<b>154.731.496.900</b>	<b>49,72</b>
1	VHM	156.710	82.000	12.850.220.000	4,13
2	TCB	173.900	50.000	8.695.000.000	2,79
3	MSN	49.100	171.000	8.396.100.000	2,70
4	HPG	166.378	46.400	7.719.939.200	2,48
5	VCB	97.741	78.800	7.701.990.800	2,47
6	FPT	70.668	93.000	6.572.124.000	2,11
7	VPB	160.129	35.800	5.732.618.200	1,84
8	MWG	39.810	135.900	5.410.179.000	1,74
9	MBB	169.866	28.900	4.909.127.400	1,58
10	ACB	141.121	34.500	4.868.674.500	1,56
11	TPB	111.240	41.050	4.566.402.000	1,47
12	PLX	83.800	53.900	4.516.820.000	1,45
13	VRE	149.500	30.100	4.499.950.000	1,45
14	VIC	46.574	95.100	4.429.187.400	1,42
15	KDH	78.900	51.000	4.023.900.000	1,29
15	STB	121.300	31.500	3.820.950.000	1,23
16	KBC	62.600	60.800	3.806.080.000	1,22
17	SSI	65.599	51.800	3.398.028.200	1,09
18	CTG	97.682	33.900	3.311.419.800	1,06
19	GAS	33.000	96.200	3.174.600.000	1,02
20	NLG	48.306	64.200	3.101.245.200	1,00
21	VNM	35.300	86.400	3.049.920.000	0,98
22	NT2	115.800	26.300	3.045.540.000	0,98
23	VCI	40.000	72.800	2.912.000.000	0,94
24	MSB	100.000	29.000	2.900.000.000	0,93
25	GVR	76.880	36.950	2.840.716.000	0,91
26	REE	39.100	69.100	2.701.810.000	0,87
27	IJC	74.300	31.300	2.325.590.000	0,75
28	VHC	34.700	62.800	2.179.160.000	0,70
29	DHC	24.100	89.000	2.144.900.000	0,69
30	BID	49.931	37.100	1.852.440.100	0,60
31	DGC	11.000	159.900	1.758.900.000	0,57
32	DBC	23.000	73.000	1.679.000.000	0,54
33	OCB	58.600	27.300	1.599.780.000	0,51
34	GMD	32.940	47.300	1.558.062.000	0,50
35	DRC	46.600	32.650	1.521.490.000	0,49
36	ELC	56.900	25.800	1.468.020.000	0,47
37	VTP	19.100	74.700	1.426.770.000	0,46
38	VND	17.200	82.000	1.410.400.000	0,45
39	DPR	10.600	72.500	768.500.000	0,25
40	PVS	3.052	27.300	83.319.600	0,03
41	PNJ	6	96.200	577.200	0,00
42	HVN	2	23.150	46.300	0,00

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

B04-QM

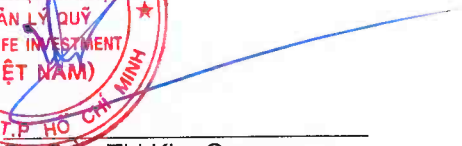
STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (%)
<b>II</b>	<b>Trái phiếu doanh nghiệp</b>			<b>32.300.263.552</b>	<b>10,38</b>
1	MSN11906	200.000	101.200	20.239.948.000	6,50
2	VHMB2126003	120.612	99.993	12.060.315.552	3,88
<b>III</b>	<b>Tài sản khác</b>	<b>N/A</b>		<b>50.857.623.416</b>	<b>16,34</b>
1	Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng	N/A		46.650.349.688	14,99
2	Phải thu khác	N/A		1.737.771.000	0,56
3	Dự thu lãi tiền gửi	N/A		1.663.741.953	0,53
4	Dự thu trái tức	N/A		577.551.575	0,19
5	Dự thu cổ tức	N/A		228.209.200	0,07
<b>IV</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>N/A</b>		<b>73.312.091.483</b>	<b>23,56</b>
1	Tiền gửi ngân hàng	N/A		12.223.872.305	3,93
2	Tương đương tiền	N/A		61.088.219.178	19,63
<b>V</b>	<b>Tổng danh mục đầu tư</b>			<b>311.201.475.351</b>	<b>100,00</b>

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)

  
Ông Đặng Trần Nhật Linh  
Người lập

  
Bà Lê Thị Kim Dung  
Kế toán trưởng



  
Bà Trần Thị Kim Cương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>54.662.583.245</b>	<b>23.098.471.364</b>
02	<i>Điều chỉnh:</i>			
04	Các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	6	(11.413.712.512)	(17.271.880.034)
	Giảm chi phí trích trước		(24.022.656)	(88.400.001)
05	<b>2. Lãi từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>43.224.848.077</b>	<b>5.738.191.329</b>
06	Tăng các khoản đầu tư		(63.536.370.998)	(38.403.332.170)
07	Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		555.378.100	(2.244.563.919)
08	Tăng phải thu khác		(1.737.771.000)	
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		99.774.112	53.864.365
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		6.946.809	821.816
14	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		(47.100.000)	49.500.000
15	Tăng/(giảm) phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		1.054.287.044	(146.864.780)
17	Tăng phải trả cho dịch vụ quản lý Quỹ		158.622.442	36.191.708
19	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng và hoạt động đầu tư</b>		<b>(20.221.385.414)</b>	<b>(34.916.191.651)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	10	132.354.060.689	31.707.384.259
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	10	(47.680.001.517)	(15.214.847.374)
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>84.674.059.172</b>	<b>16.492.536.885</b>
40	<b>III. Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm</b>		<b>64.452.673.758</b>	<b>(18.423.654.766)</b>
50	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>8.859.417.725</b>	<b>27.283.072.491</b>
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		8.859.417.725	27.283.072.491
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ		8.809.417.725	10.282.572.491
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng		-	17.000.000.000
53	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		50.000.000	500.000

## Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
55	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>5</b>	<b>73.312.091.483</b>	<b>8.859.417.725</b>
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		73.312.091.483	8.859.417.725
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ		12.220.972.305	8.809.417.725
	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng		61.088.219.178	-
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		2.900.000	50.000.000
60	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm</b>		<b>64.452.673.758</b>	<b>(18.423.654.766)</b>

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)

  
Ông Đặng Trần Nhật Linh  
Người lập

  
Bà Lê Thị Kim Dung  
Kế toán trưởng



  
Bà Trần Thị Kim Cương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2022



# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 1.1 Thông tin về Quỹ

#### Quỹ

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 37/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 7 năm 2017 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 28/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 11 năm 2017. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Lầu 4, Manulife Plaza, số 75 Hoàng Văn Thái, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điều lệ hoạt động Quỹ mở được ban hành trong tháng 5 năm 2017 và bản sửa đổi mới nhất được ban hành trong tháng 4 năm 2021.

#### Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) (trước đây là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 04/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005.

#### Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng HSBC") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. Ngân hàng HSBC được thành lập theo Giấy phép số 235/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 05/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2013.

### 1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

#### Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 7.677.986,96 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 76.779.869.600 đồng, chiếm 153,56% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 204.907.092.300 đồng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021.

#### Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là đem đến thu nhập và tiềm năng tăng trưởng giá trị đầu tư vốn trong dài hạn thông qua việc phân bổ cân bằng vào các cổ phiếu và các chứng khoán có thu nhập cố định. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV):

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 3 tháng 5 năm 2021, NAV được định giá hai (02) lần/tuần vào thứ Hai và thứ Sáu. Từ ngày 4 tháng 5 năm 2021, NAV được định giá (02) lần/tuần vào thứ Tư và thứ Sáu.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo



# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Quỹ thực hiện giao dịch chứng chỉ Quỹ một tuần hai lần vào ngày thứ Hai và thứ Sáu trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 3 tháng 5 năm 2021. Từ ngày 4 tháng 5 năm 2021, Quỹ thực hiện giao dịch chứng chỉ Quỹ một tuần hai lần vào ngày thứ Tư và thứ Sáu. Trong trường hợp ngày giao dịch là ngày lễ thì Quỹ sẽ không thực hiện giao dịch trong tuần đó.

#### Hạn chế đầu tư

Hạn chế đầu tư của Quỹ:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành, tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan của một tổ chức phát hành, ngoại trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành;

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Chứng Chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành và quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty Quản lý Quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
  - Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;

Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h, j, k được nêu trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- c) Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ điều chỉnh; và
- e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);

- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập: Mẫu số B01-QM
2. Báo cáo tình hình tài chính: Mẫu số B02-QM
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ: Mẫu số B03-QM
4. Báo cáo danh mục đầu tư: Mẫu số B04-QM
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Mẫu số B05-QM
6. Thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B06-QM

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là Nhật ký Chung.

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là VND.

## 3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Đại diện cam kết Quỹ đã tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 198 trong việc lập báo cáo tài chính.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, trái phiếu và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

#### 4.3.1 Nguyên tắc phân loại

Các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được phân loại theo các loại tài sản tài chính (cổ phiếu, trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, công cụ phái sinh...) và theo hình thức giao dịch (giao dịch qua sàn giao dịch chứng khoán hoặc không qua sàn giao dịch chứng khoán ("OTC")). Đối với hình thức giao dịch OTC chỉ bao gồm các khoản đầu tư chuẩn bị niêm yết.

#### 4.3.2 Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc trên khoản mục "*Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận*" trên báo cáo tình hình tài chính.

#### 4.3.3 Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "*Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận*" trên báo cáo tình hình tài chính.

#### 4.3.4 Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các Ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98 và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt

#### 4.3.5 Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong sổ tay định giá như sau:



## Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

##### 4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	<p>Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>Trường hợp không có giá yết, thì Giá xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền dựa trên thời gian nắm giữ công cụ và căn cứ vào lãi suất định giá theo phương pháp định giá hợp lý, chi tiết được trình bày cụ thể trong sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</p>

## Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

##### 4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Trái phiếu</b>		
6.	Trái phiếu niêm yết và trái phiếu hủy niêm yết do đến thời gian đáo hạn hoặc được tổ chức phát hành mua lại toàn bộ trước thời gian đáo hạn	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế;</li><li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá thì mức giá được xác định theo phương pháp định giá trái phiếu hợp lý, chi tiết được trình bày cụ thể trong sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li></ul>
7.	Trái phiếu không niêm yết hoặc chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá thị trường là giá trung bình tại ngày gần nhất trước ngày định giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá cung cấp cộng lãi lũy kế (nếu giá giao dịch chưa bao gồm lãi lũy kế).</li><li>- Trường hợp không có đủ báo giá của ba (3) công ty chứng khoán, giá trái phiếu được xác định theo phương pháp định giá trái phiếu hợp lý, chi tiết được trình bày cụ thể trong sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li></ul>
<b>Cổ phiếu</b>		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li><li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.</li></ul>
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li><li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.</li></ul>

## Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

##### 4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Cổ phiếu (tiếp theo)</b>		
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá cung cấp.</p> <p>Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá;</li><li>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;</li><li>+ Giá mua</li></ul>
13.	Cổ phiếu đang trong giai đoạn hủy đăng ký giao dịch hoặc hủy niêm yết trên sàn giao dịch cũ để chuyển sang sàn giao dịch mới	Giá thị trường kể từ ngày hiệu lực hủy đăng ký giao dịch hoặc hủy niêm yết trên sàn giao dịch cũ cho đến ngày trước ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu này trên sàn giao dịch mới được xác định là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của cổ phiếu này tại ngày có giao dịch trên sàn cũ gần nhất trước Ngày Định Giá
<b>Chứng khoán phái sinh</b>		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá sẽ được xác định căn cứ theo quyết định của Ban Đại Diện Quỹ dựa trên những yếu tố tác động có liên quan được xem xét từ các thành viên thị trường.



# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

#### 4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tài sản khác</b>		
16.	Bất động sản	Giá được định giá bởi doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm gần nhất.
17.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thị mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

#### Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại đầu ngày giao dịch.

#### Quyền mua cổ phiếu

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập báo cáo theo giá trị thị trường sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền để mua một cổ phiếu mới.

### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Quỹ tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu này. Theo đó, mức trích lập dự phòng như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

### 4.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 4.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

#### 4.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

##### *Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ Quỹ sau khi quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

##### *Vốn góp mua lại*

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ với chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

##### *Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư*

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

#### 4.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện, với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)".

### 4.7 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 4.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát và Lưu ký (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### 4.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các chi phí phát sinh của Quỹ được dự chi theo ngày thực tế trong kỳ định giá tương ứng với khoản dự chi phát sinh trong năm tài chính trên cơ sở một năm có 365 ngày. Chi tiết một số chi phí chủ yếu của Quỹ như sau:

#### *Phí quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ*

Phí quản lý được tính theo công thức như sau:

$\text{Phí quản lý} = 1,2\% * \text{Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / 365.$

#### *Phí giám sát và phí lưu ký*

Phí giám sát và phí lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí dưới đây không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí giám sát và lưu ký được xác định như sau:

$\text{Phí lưu ký} = 0,06\% * \text{Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / 365.$

Phí lưu ký tối thiểu: 15.000.000/tháng (phí lưu ký không chịu thuế GTGT).

$\text{Phí giám sát} = 0,025\% * \text{Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá} * \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / 365.$

Phí giám sát tối thiểu: 5.500.000/tháng, đã bao gồm thuế GTGT 10%.

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 4.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

#### *Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành ("Thông tư 25"). Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại theo mức thuế suất hiện hành (mức thuế suất năm 2020 là 20%) lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

#### *Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư 111, Thông tư 25, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 và Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

### 4.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

### 4.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư 198 được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

### 4.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 4.14 Nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở

Giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

NAV trên một đơn vị Quỹ bằng NAV chia cho tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Việc xác định giá thị trường các tài sản của Quỹ được thực hiện theo phương pháp quy định tại Điều lệ Quỹ và Sổ tay định giá của Quỹ (Thuyết minh số 4.3).

### 4.15 Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và phải thu, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, và chi phí phải trả.

#### *Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá trị ghi sổ.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

## 5. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tiền gửi cho hoạt động của quỹ mở	12.220.972.305	8.809.417.725
Tương đương tiền	61.088.219.178	-
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	2.900.000	50.000.000
	<b>73.312.091.483</b>	<b>8.859.417.725</b>

# Quỹ Đầu Tư Cầm Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Chênh lệch do đánh giá lại					Đơn vị tính: VND
	Giá mua [1]	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý [2]	Chênh lệch tăng [3]	Chênh lệch giảm (giảm)/tăng thuần		
				Chênh lệch giảm [4]	[5] = [3] - [4]	
Ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Cổ phiếu	128.547.872.581	154.731.496.900	27.570.303.697	1.386.679.378	26.183.624.319	154.731.496.900
Trái phiếu doanh nghiệp (*)	32.252.801.858	32.300.263.552	52.767.200	5.305.506	47.461.694	32.300.263.552
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (**)	46.650.349.688	46.650.349.688	-	-	-	46.650.349.688
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	8.807.349.688	8.807.349.688	-	-	-	8.807.349.688
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	37.843.000.000	37.843.000.000	-	-	-	37.843.000.000
	207.451.024.127	233.682.110.140	27.623.070.897	1.391.984.884	26.231.086.013	233.682.110.140
Ngày 31 tháng 12 năm 2020						
Các khoản đầu tư	143.914.653.129	158.732.026.630	14.943.374.877	126.001.376	14.817.373.501	158.732.026.630
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập					11.413.712.512	

(\*) Các trái phiếu này được phát hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và Công ty Cổ phần Vinhomes, có kỳ hạn gốc ba (3) năm và được hưởng lãi suất áp dụng cho năm này là từ 8,75%/năm đến 9,20%/năm, trả lãi 6 tháng/lần.

(\*\*) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn ban đầu từ sáu (6) đến mười tám (18) tháng và được hưởng lãi suất từ 3,90%/năm đến 5,5%/năm.

## Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Lãi dự thu từ tiền gửi	1.663.741.953	2.535.894.527
Trái tức dự thu	577.551.575	488.986.301
Cổ tức dự thu	228.209.200	-
Phải thu khác	1.737.771.000	-
	<b>4.207.273.728</b>	<b>3.024.880.828</b>

### 8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải trả chi phí họp, đại hội Quỹ	36.077.344	86.800.000
Phải trả chi phí kiểm toán	69.300.000	72.600.000
Phải trả chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	30.000.000	-
	<b>135.377.344</b>	<b>159.400.000</b>

### 9. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải trả phí quản lý Quỹ	311.523.342	166.659.617
Phải trả phí lưu ký	15.576.165	16.650.001
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	16.829.920	9.213.698
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	11.993.650	6.416.396
Phải trả phí dịch vụ giám sát	7.139.076	5.499.999
	<b>363.062.153</b>	<b>204.439.711</b>

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 10. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp phát hành					Vốn góp mua lại					Giá trị tài sản ròng hiện hành/1 chứng chỉ quỹ (VND)		
	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (VND)	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ (VND)		Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (chứng chỉ quỹ)	Giá trị vốn góp hiện hành (VND)
Tại ngày 1/1/2021	18.696.427,31	10.213	186.964.273.100	3.979.434.334	190.943.707.434	(4.200.981,16)	10.283	(42.009.811.600)	(1.189.618.806)	(43.199.430.406)	14.495.446,15	147.744.277.028	11.736
Phát sinh trong năm	9.327.933,00	14.189	93.279.330.000	39.074.730.689	132.354.060.689	(3.332.669,92)	14.307	(33.326.699.200)	(14.353.302.317)	(47.680.001.517)	5.995.263,08	84.674.059.172	3.366
Tại ngày 31/12/2021	28.024.360,31	11.536	280.243.603.100	43.054.165.023	323.297.768.123	(7.533.651,08)	12.063	(75.336.510.800)	(15.542.921.123)	(90.879.431.923)	20.490.709,23	232.418.336.200	15.102



## Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 11. LỢI NHUẬN LŨY KẾ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	50.805.770.795	7.556.900.062
Lợi nhuận chưa thực hiện	26.231.086.013	14.817.373.501
	<b>77.036.856.808</b>	<b>22.374.273.563</b>

### 12. THU NHẬP CỔ TỨC VÀ TIỀN LÃI

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Cổ tức</b>	<b>1.463.923.300</b>	<b>1.019.627.100</b>
- Cổ tức phát sinh trong năm đã nhận	1.235.714.100	1.019.627.100
- Cổ tức dự thu đến cuối năm	228.209.200	-
<b>Tiền lãi</b>	<b>5.982.758.874</b>	<b>4.997.482.972</b>
- Tiền lãi phát sinh trong năm đã nhận	3.741.465.346	1.972.602.144
- Tiền lãi dự thu đến cuối năm	2.241.293.528	3.024.880.828

### 13. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Tổng giá trị bán (đã bao gồm phí môi giới) VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán VND	Lãi bán chứng khoán VND
Cổ phiếu	155.243.990.938	115.166.720.118	40.077.270.820	2.526.016.666

### 14. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	262.974.924	148.978.221
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	232.865.987	137.474.455
	<b>495.840.911</b>	<b>286.452.676</b>

## Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ cuối/Tháng 12 năm trước	170.118.550.591	14.495.446,15	11.736	
Kỳ 1/Tháng 1	170.139.702.264	14.495.446,15	11.737	1
Kỳ 2/Tháng 1	174.034.615.837	14.489.004,47	12.011	274
Kỳ 3/Tháng 1	175.474.841.495	14.456.518,11	12.138	127
Kỳ 4/Tháng 1	178.546.811.544	14.462.763,86	12.345	207
Kỳ 5/Tháng 1	178.600.744.898	14.480.387,07	12.334	(11)
Kỳ 6/Tháng 1	177.710.088.669	14.462.739,07	12.287	(47)
Kỳ 7/Tháng 1	178.890.538.683	14.457.143,04	12.374	87
Kỳ 8/Tháng 1	168.134.247.901	14.428.789,44	11.653	(721)
Kỳ cuối/Tháng 1	170.323.709.396	14.447.990,18	11.789	136
Kỳ 1/Tháng 2	177.901.414.779	14.489.937,66	12.278	489
Kỳ 2/Tháng 2	178.834.601.991	14.533.934,13	12.305	27
Kỳ 3/Tháng 2	184.835.151.425	14.534.694,73	12.717	412
Kỳ 4/Tháng 2	184.130.666.439	14.560.470,60	12.646	(71)
Kỳ 5/Tháng 2	182.832.347.119	14.560.438,98	12.557	(89)
Kỳ cuối/Tháng 2	183.623.692.958	14.611.017,20	12.567	10
Kỳ 1/Tháng 3	184.560.334.088	14.617.720,17	12.626	59
Kỳ 2/Tháng 3	188.127.482.083	14.843.399,99	12.674	48
Kỳ 3/Tháng 3	191.190.793.649	14.856.021,71	12.870	196
Kỳ 4/Tháng 3	191.194.794.323	14.800.144,19	12.918	48
Kỳ 5/Tháng 3	192.552.590.866	14.816.379,04	12.996	78
Kỳ 6/Tháng 3	192.201.698.541	14.833.577,26	12.957	(39)
Kỳ 7/Tháng 3	189.734.700.083	14.834.181,12	12.790	(167)
Kỳ 8/Tháng 3	192.342.425.951	15.035.481,18	12.793	3
Kỳ cuối/Tháng 3	193.797.650.775	15.038.004,36	12.887	94
Kỳ 1/Tháng 4	196.077.655.826	15.038.004,36	13.039	152
Kỳ 2/Tháng 4	197.017.055.901	15.080.155,75	13.065	26
Kỳ 3/Tháng 4	198.037.047.712	15.080.214,35	13.132	67
Kỳ 4/Tháng 4	199.539.656.879	15.164.344,15	13.158	26

## Quý Đầu Tư Căn Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 5/Tháng 4	199.520.950.554	15.189.329,12	13.136	(22)
Kỳ 6/Tháng 4	200.078.975.560	15.291.989,49	13.084	(52)
Kỳ 7/Tháng 4	199.831.962.524	15.327.565,15	13.037	(47)
Kỳ 8/Tháng 4	205.599.856.112	15.587.445,85	13.190	153
Kỳ cuối/Tháng 4	208.375.678.704	15.669.283,59	13.298	108
Kỳ 1/Tháng 5	208.732.955.186	15.669.283,59	13.321	23
Kỳ 2/Tháng 5	211.168.513.803	15.701.031,87	13.449	128
Kỳ 3/Tháng 5	212.942.614.663	15.781.810,25	13.493	44
Kỳ 4/Tháng 5	214.452.881.676	15.821.948,84	13.554	61
Kỳ 5/Tháng 5	215.682.988.194	15.931.802,39	13.538	(16)
Kỳ 6/Tháng 5	220.526.355.139	16.037.254,76	13.751	213
Kỳ 7/Tháng 5	222.867.419.670	16.058.503,76	13.878	127
Kỳ 8/Tháng 5	226.197.736.197	16.325.495,01	13.855	(23)
Kỳ cuối/Tháng 5	231.850.847.014	16.505.881,59	14.047	192
Kỳ 1/Tháng 6	233.221.351.739	16.505.881,59	14.130	83
Kỳ 2/Tháng 6	239.424.029.153	16.747.953,83	14.296	166
Kỳ 3/Tháng 6	236.780.890.727	17.013.609,11	13.917	(379)
Kỳ 4/Tháng 6	239.974.747.891	17.147.751,80	13.995	78
Kỳ 5/Tháng 6	246.848.273.212	17.284.779,38	14.281	286
Kỳ 6/Tháng 6	247.708.864.711	17.340.157,23	14.285	4
Kỳ 7/Tháng 6	249.795.397.130	17.308.468,28	14.432	147
Kỳ 8/Tháng 6	250.123.672.909	17.298.687,08	14.459	27
Kỳ 9/Tháng 6	256.661.241.428	17.522.008,29	14.648	189
Kỳ cuối/Tháng 6	258.418.302.328	17.673.916,51	14.621	(27)
Kỳ 1/Tháng 7	260.507.544.046	17.673.916,51	14.740	119
Kỳ 2/Tháng 7	255.639.414.188	17.739.323,11	14.411	(329)
Kỳ 3/Tháng 7	258.429.514.141	17.810.432,22	14.510	99
Kỳ 4/Tháng 7	251.774.385.970	17.773.375,43	14.166	(344)
Kỳ 5/Tháng 7	251.725.641.368	17.812.773,67	14.132	(34)
Kỳ 6/Tháng 7	251.528.586.987	17.883.669,18	14.065	(67)

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 7/Tháng 7	253.642.549.948	17.926.460,50	14.149	84
Kỳ 8/Tháng 7	252.184.857.487	17.936.395,45	14.060	(89)
Kỳ 9/Tháng 7	254.466.642.849	17.975.633,57	14.156	96
Kỳ cuối/Tháng 7	259.310.496.012	18.196.694,21	14.250	94
Kỳ 1/Tháng 8	261.366.884.323	18.196.694,21	14.363	113
Kỳ 2/Tháng 8	262.727.274.441	18.173.548,26	14.457	94
Kỳ 3/Tháng 8	264.823.165.837	18.206.628,53	14.545	88
Kỳ 4/Tháng 8	263.231.719.805	18.224.738,35	14.444	(101)
Kỳ 5/Tháng 8	264.916.785.270	18.231.108,09	14.531	87
Kỳ 6/Tháng 8	266.427.719.421	18.277.224,21	14.577	46
Kỳ 7/Tháng 8	259.481.166.479	18.283.780,31	14.192	(385)
Kỳ 8/Tháng 8	261.476.848.644	18.411.643,66	14.202	10
Kỳ cuối/Tháng 8	264.340.856.674	18.416.511,17	14.353	151
Kỳ 1/Tháng 9	266.080.263.149	18.423.246,24	14.443	90
Kỳ 2/Tháng 9	266.926.971.010	18.430.994,73	14.483	40
Kỳ 3/Tháng 9	266.543.631.717	18.437.259,31	14.457	(26)
Kỳ 4/Tháng 9	268.061.410.582	18.409.069,21	14.561	104
Kỳ 5/Tháng 9	267.375.883.731	18.427.693,78	14.509	(52)
Kỳ 6/Tháng 9	270.002.145.298	18.501.747,51	14.593	84
Kỳ 7/Tháng 9	268.900.557.998	18.500.323,63	14.535	(58)
Kỳ cuối/Tháng 9	271.463.101.108	18.650.752,37	14.555	20
Kỳ 1/Tháng 10	272.388.890.641	18.664.357,24	14.594	39
Kỳ 2/Tháng 10	276.291.525.450	18.808.308,38	14.690	96
Kỳ 3/Tháng 10	279.847.977.899	18.827.341,77	14.864	174
Kỳ 4/Tháng 10	279.515.973.818	18.825.008,27	14.848	(16)
Kỳ 5/Tháng 10	280.165.284.595	18.802.314,87	14.901	53
Kỳ 6/Tháng 10	279.655.186.421	18.941.576,70	14.764	(137)
Kỳ 7/Tháng 10	282.457.524.530	19.129.700,26	14.765	1
Kỳ 8/Tháng 10	287.290.479.288	19.143.628,42	15.007	242
Kỳ cuối/Tháng 10	290.801.275.084	19.352.989,99	15.026	19

# Quỹ Đầu Tư Căn Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 1/Tháng 11	290.642.814.688	19.352.989,99	15.018	(8)
Kỳ 2/Tháng 11	289.843.517.735	19.331.635,05	14.993	(25)
Kỳ 3/Tháng 11	286.402.808.724	19.049.396,96	15.035	42
Kỳ 4/Tháng 11	287.362.570.677	19.126.231,22	15.025	(10)
Kỳ 5/Tháng 11	287.565.076.345	19.161.581,68	15.007	(18)
Kỳ 6/Tháng 11	288.535.900.620	19.248.097,43	14.990	(17)
Kỳ 7/Tháng 11	286.312.178.340	19.121.935,25	14.973	(17)
Kỳ 8/Tháng 11	310.948.311.510	20.490.909,54	15.175	202
Kỳ cuối/Tháng 11	306.896.444.210	20.475.070,05	14.989	(186)
Kỳ 1/Tháng 12	308.825.389.007	20.598.343,28	14.993	4
Kỳ 2/Tháng 12	305.016.267.905	20.574.398,85	14.825	(168)
Kỳ 3/Tháng 12	306.363.078.212	20.506.780,58	14.940	115
Kỳ 4/Tháng 12	305.415.166.995	20.394.065,80	14.976	36
Kỳ 5/Tháng 12	304.884.504.967	20.365.441,26	14.971	(5)
Kỳ 6/Tháng 12	304.296.869.761	20.292.785,84	14.995	24
Kỳ 7/Tháng 12	301.425.017.285	20.285.844,78	14.859	(136)
Kỳ 8/Tháng 12	306.290.369.365	20.352.516,72	15.049	190
Kỳ 9/Tháng 12	308.278.234.694	20.518.601,36	15.024	(25)
Kỳ cuối/Tháng 12	309.455.193.008	20.490.709,23	15.102	78

NAV bình quân trong năm

241.997.228.211

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm Mức Cao Nhất

721

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm Mức Thấp Nhất

1

## Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ cuối/Tháng 12 năm trước	130.527.542.342	12.887.934,94	10.128	
Kỳ 1/Tháng 1	131.162.257.119	12.887.934,94	10.177	49
Kỳ 2/Tháng 1	130.568.196.367	12.873.400,60	10.142	(35)
Kỳ 3/Tháng 1	130.168.304.425	12.873.449,17	10.111	(31)
Kỳ 4/Tháng 1	130.659.877.467	12.844.780,66	10.172	61
Kỳ 5/Tháng 1	130.781.745.167	12.843.359,77	10.183	11
Kỳ 6/Tháng 1	131.279.023.870	12.844.908,98	10.220	37
Kỳ 7/Tháng 1	132.946.232.969	12.847.801,02	10.348	128
Kỳ 8/Tháng 1	132.970.568.417	12.847.801,02	10.350	2
Kỳ 9/Tháng 1	130.888.498.605	12.847.801,02	10.188	(162)
Kỳ cuối/Tháng 1	131.380.749.580	13.029.676,72	10.083	(105)
Kỳ 1/Tháng 2	131.396.922.202	13.029.676,72	10.084	1
Kỳ 2/Tháng 2	133.502.400.607	13.029.676,72	10.246	162
Kỳ 3/Tháng 2	133.061.765.202	13.034.617,65	10.208	(38)
Kỳ 4/Tháng 2	133.450.087.844	13.032.093,04	10.240	32
Kỳ 5/Tháng 2	133.351.413.784	13.005.220,47	10.254	14
Kỳ 6/Tháng 2	133.986.503.335	13.006.277,35	10.302	48
Kỳ 7/Tháng 2	135.351.994.984	13.184.958,83	10.266	(36)
Kỳ 8/Tháng 2	134.767.469.649	13.172.530,06	10.231	(35)
Kỳ cuối/Tháng 2	133.375.732.167	13.134.569,15	10.155	(76)
Kỳ 1/Tháng 3	133.383.830.760	13.134.569,15	10.155	-
Kỳ 2/Tháng 3	134.539.857.153	13.134.761,61	10.243	88
Kỳ 3/Tháng 3	134.154.414.388	13.134.962,89	10.214	(29)
Kỳ 4/Tháng 3	124.429.684.546	13.134.792,72	9.473	(741)
Kỳ 5/Tháng 3	124.347.906.646	13.126.630,14	9.473	-
Kỳ 6/Tháng 3	121.665.168.060	13.126.942,14	9.268	(205)
Kỳ 7/Tháng 3	121.231.119.529	13.125.688,09	9.236	(32)
Kỳ 8/Tháng 3	118.056.124.295	13.120.535,45	8.998	(238)
Kỳ 9/Tháng 3	119.149.479.389	13.300.456,41	8.958	(40)
Kỳ cuối/Tháng 3	116.223.258.391	13.299.810,12	8.739	(219)
Kỳ 1/Tháng 4	117.891.807.889	13.299.810,12	8.864	125

## Quý Đầu Tư Căn Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 2/Tháng 4	119.639.535.905	13.295.039,52	8.999	135
Kỳ 3/Tháng 4	122.238.248.444	13.250.327,80	9.225	226
Kỳ 4/Tháng 4	121.870.334.632	13.248.470,49	9.199	(26)
Kỳ 5/Tháng 4	124.276.285.815	13.253.879,08	9.377	178
Kỳ 6/Tháng 4	125.457.604.136	13.209.314,60	9.498	121
Kỳ 7/Tháng 4	124.609.469.480	13.210.766,78	9.432	(66)
Kỳ 8/Tháng 4	124.399.383.454	13.217.745,01	9.412	(20)
Kỳ cuối/Tháng 4	125.943.019.836	13.403.752,53	9.396	(16)
Kỳ 1/Tháng 5	125.967.520.039	13.403.752,53	9.398	2
Kỳ 2/Tháng 5	127.434.121.140	13.403.752,53	9.507	109
Kỳ 3/Tháng 5	128.272.299.057	13.406.034,66	9.568	61
Kỳ 4/Tháng 5	130.588.868.676	13.406.611,29	9.741	173
Kỳ 5/Tháng 5	129.833.025.534	13.408.541,57	9.683	(58)
Kỳ 6/Tháng 5	133.558.829.345	13.417.903,20	9.954	271
Kỳ 7/Tháng 5	132.741.291.236	13.426.317,74	9.887	(67)
Kỳ 8/Tháng 5	134.881.179.894	13.598.549,44	9.919	32
Kỳ cuối/Tháng 5	135.182.275.863	13.597.156,79	9.942	23
Kỳ 1/Tháng 6	137.015.362.003	13.596.863,05	10.077	135
Kỳ 2/Tháng 6	137.395.151.704	13.608.861,00	10.096	19
Kỳ 3/Tháng 6	135.689.667.652	13.609.251,33	9.970	(126)
Kỳ 4/Tháng 6	135.475.826.312	13.494.011,54	10.040	70
Kỳ 5/Tháng 6	134.592.735.355	13.494.704,93	9.974	(66)
Kỳ 6/Tháng 6	135.175.338.356	13.448.967,77	10.051	77
Kỳ 7/Tháng 6	135.947.890.950	13.607.585,75	9.991	(60)
Kỳ 8/Tháng 6	135.827.398.472	13.608.283,31	9.981	(10)
Kỳ cuối/Tháng 6	133.547.808.102	13.603.182,46	9.817	(164)
Kỳ 1/Tháng 7	134.542.424.097	13.603.182,46	9.891	74
Kỳ 2/Tháng 7	134.454.565.857	13.593.399,09	9.891	-
Kỳ 3/Tháng 7	136.611.751.345	13.582.495,04	10.058	167
Kỳ 4/Tháng 7	135.910.686.533	13.586.747,80	10.003	(55)



## Quý Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 5/Tháng 7	136.582.404.202	13.581.923,64	10.056	53
Kỳ 6/Tháng 7	136.219.555.423	13.579.324,57	10.031	(25)
Kỳ 7/Tháng 7	134.903.749.635	13.572.525,48	9.939	(92)
Kỳ 8/Tháng 7	134.221.486.109	13.751.856,32	9.760	(179)
Kỳ 9/Tháng 7	131.838.142.732	13.749.244,55	9.589	(171)
Kỳ cuối/Tháng 7	131.898.779.635	13.808.143,36	9.552	(37)
Kỳ 1/Tháng 8	131.914.122.936	13.808.143,36	9.553	1
Kỳ 2/Tháng 8	135.447.504.887	13.818.487,15	9.802	249
Kỳ 3/Tháng 8	135.320.441.631	13.820.899,41	9.791	(11)
Kỳ 4/Tháng 8	137.562.011.604	13.841.019,10	9.939	148
Kỳ 5/Tháng 8	137.457.739.231	13.842.475,09	9.930	(9)
Kỳ 6/Tháng 8	137.582.998.068	13.842.673,51	9.939	9
Kỳ 7/Tháng 8	138.540.954.321	13.846.123,44	10.006	67
Kỳ 8/Tháng 8	142.265.553.062	13.992.181,39	10.168	162
Kỳ 9/Tháng 8	142.664.052.855	13.949.300,79	10.227	59
Kỳ cuối/Tháng 8	142.105.581.169	13.919.723,69	10.209	(18)
Kỳ 1/Tháng 9	143.451.382.032	13.919.723,69	10.306	97
Kỳ 2/Tháng 9	142.814.919.227	13.907.545,51	10.269	(37)
Kỳ 3/Tháng 9	141.791.260.697	13.876.791,36	10.218	(51)
Kỳ 4/Tháng 9	141.502.673.355	13.850.296,30	10.217	(1)
Kỳ 5/Tháng 9	142.199.026.732	13.851.646,29	10.266	49
Kỳ 6/Tháng 9	143.234.202.493	13.870.271,46	10.327	61
Kỳ 7/Tháng 9	146.838.179.586	14.055.361,41	10.447	120
Kỳ 8/Tháng 9	147.047.758.907	14.008.041,87	10.497	50
Kỳ cuối/Tháng 9	147.973.643.875	14.008.417,29	10.563	66
Kỳ 1/Tháng 10	148.503.895.824	14.008.417,29	10.601	38
Kỳ 2/Tháng 10	147.980.780.526	14.004.667,56	10.567	(34)
Kỳ 3/Tháng 10	149.285.812.335	14.004.760,79	10.660	93
Kỳ 4/Tháng 10	147.245.593.495	13.807.308,44	10.664	4



## Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND
Kỳ 5/Tháng 10	148.136.700.342	13.807.308,44	10.729	65
Kỳ 6/Tháng 10	149.152.828.465	13.839.190,29	10.778	49
Kỳ 7/Tháng 10	150.321.335.105	13.839.373,11	10.862	84
Kỳ 8/Tháng 10	153.293.925.546	14.096.409,69	10.875	13
Kỳ 9/Tháng 10	149.195.834.719	14.098.765,15	10.582	(293)
Kỳ cuối/Tháng 10	149.226.871.692	14.083.390,20	10.596	14
Kỳ 1/Tháng 11	149.233.417.715	14.083.390,20	10.596	-
Kỳ 2/Tháng 11	149.925.067.591	14.084.812,79	10.644	48
Kỳ 3/Tháng 11	150.130.065.280	14.099.652,02	10.648	4
Kỳ 4/Tháng 11	151.741.131.782	14.099.883,32	10.762	114
Kỳ 5/Tháng 11	151.217.390.953	14.042.179,12	10.769	7
Kỳ 6/Tháng 11	153.444.660.162	14.042.773,77	10.927	158
Kỳ 7/Tháng 11	153.393.707.287	14.051.651,19	10.916	(11)
Kỳ 8/Tháng 11	154.899.643.351	14.097.486,53	10.988	72
Kỳ 9/Tháng 11	156.541.269.541	14.220.056,65	11.008	20
Kỳ cuối/Tháng 11	156.065.080.358	14.218.419,07	10.976	(32)
Kỳ 1/Tháng 12	157.853.564.562	14.218.419,07	11.102	126
Kỳ 2/Tháng 12	158.381.553.355	14.270.981,32	11.098	(4)
Kỳ 3/Tháng 12	159.482.450.116	14.317.381,24	11.139	41
Kỳ 4/Tháng 12	161.523.748.450	14.402.363,45	11.215	76
Kỳ 5/Tháng 12	162.979.299.580	14.362.983,67	11.347	132
Kỳ 6/Tháng 12	165.207.920.601	14.361.661,36	11.503	156
Kỳ 7/Tháng 12	165.727.551.717	14.401.079,13	11.508	5
Kỳ 8/Tháng 12	168.795.362.513	14.494.219,52	11.646	138
Kỳ cuối/Tháng 12	170.118.550.591	14.495.446,15	11.736	90

NAV bình quân trong năm

138.434.959.930

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm Mức Cao Nhất

741

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong năm Mức Thấp Nhất

-



## Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 16. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

#### *Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Đến 1 năm	6.994.525,92	2.726.677,92
Trên 1 năm	13.496.183,31	11.768.768,23
	<b>20.490.709,23</b>	<b>14.495.446,15</b>

### 17. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,77%	1,96%
Tốc độ vòng quay danh mục	71,02%	75,26%

#### 17.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc năm tài chính.

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay.
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện).
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế TNDN), bao gồm cả thuế Nhà thầu.
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

#### 17.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc năm tài chính.

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm}) * 100\%}{2 * \text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

## 18. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### 18.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

Các phân tích độ nhạy đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

#### *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Quỹ cũng là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có.

### 18.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 18. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 18.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quý giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

## 19. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	<i>Giá trị ghi sổ</i> <i>VND</i>	<i>Giá trị hợp lý</i> <i>VND</i>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	187.031.760.452	187.031.760.452
- Cổ phiếu	154.731.496.900	154.731.496.900
- Trái phiếu doanh nghiệp	32.300.263.552	32.300.263.552
Tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải thu	124.169.714.899	124.169.714.899
- Tiền gửi ngân hàng	12.223.872.305	12.223.872.305
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng	46.650.349.688	46.650.349.688
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng	61.088.219.178	61.088.219.178
- Các khoản phải thu	4.207.273.728	4.207.273.728
	<b>311.201.475.351</b>	<b>311.201.475.351</b>
<b>Nợ tài chính phải trả</b>		
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	363.062.153	363.062.153
Chi phí phải trả	135.377.344	135.377.344
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	181.552.158	181.552.158
	<b>679.991.655</b>	<b>679.991.655</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quý sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu, trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh số 4.3*.

## Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

#### 20.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

##### a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí quản lý Quỹ	2.881.362.324	1.666.925.663

Các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phí quản lý Quỹ phải trả	311.523.342	166.659.617

##### b) Phụ cấp Ban đại diện Quỹ

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán như chi phí của Quỹ.

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000

#### 20.2 Các hợp đồng then chốt khác

##### Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng HSBC là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng HSBC một khoản phí quản trị quỹ là 0,042% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm (tối thiểu là 5.000.000 đồng mỗi tháng) và phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm các khoản phí như phí duy trì nhà đầu tư, thiết lập dữ liệu nhà đầu tư, đăng ký mua mới hoặc mua lại, hoán đổi và chuyển nhượng,... (tối thiểu là 8.000.000 đồng mỗi tháng).

## Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM

### 20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

#### 20.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu trong năm với Ngân hàng Giám sát như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí dịch vụ lưu ký	216.004.573	202.789.004
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	154.838.435	107.191.036
Phí dịch vụ giám sát	71.545.218	65.999.997
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	110.932.451	67.625.063

Các số dư với Ngân hàng Giám sát tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tiền gửi ngân hàng	12.223.872.305	8.859.417.725
Phải trả phí lưu ký	15.576.165	16.650.001
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	16.829.920	9.213.698
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	11.993.650	6.416.396
Phải trả phí dịch vụ giám sát	7.139.076	5.499.999



# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

B06-QM


## 21. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
<b>Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động</b>		
Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	1,19%	1,20%
Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho ngân hàng giám sát/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,12%	0,19%
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,11%	0,13%
Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,05%	0,09%
Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,08%	0,10%
<b>Các chỉ tiêu khác</b>		
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)	51,11%	67,37%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư/cổ đông lớn nhất cuối kỳ (%)	62,14%	73,73%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)	33,82%	47,81%
Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ (VND)	15.102	11.736
Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ, kể cả giao dịch ký danh	1.918	904

## 21. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

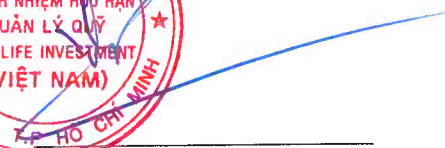
Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)

  
Ông Đặng Trần Nhật Linh  
Người lập

  
Bà Lê Thị Kim Dung  
Kế toán trưởng



  
Bà Trần Thị Kim Cương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2022



# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG MANULIFE (“QUỸ”)

#### 1. Mục tiêu của Quỹ:

Mục tiêu của Quỹ MAFBAL là đem đến thu nhập và tiềm năng tăng trưởng giá trị đầu tư vốn trong dài hạn thông qua việc phân bổ cân bằng vào các cổ phiếu và các chứng khoán có thu nhập cố định.

#### 2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Tính đến cuối năm báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 81,91% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu năm báo cáo.

#### 3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Chiến lược đầu tư của Quỹ được xây dựng trên nền tảng của quy trình đầu tư trái phiếu và cổ phiếu chuyên nghiệp và có kỷ luật cao với tầm nhìn trung và dài hạn. Tùy theo điều kiện thị trường, Quỹ sẽ phân bổ tỷ trọng hợp lý các cổ phiếu và chứng khoán có thu nhập cố định.

- ▶ Cổ phiếu: được đầu tư vào các cổ phiếu của các công ty hàng đầu có tiềm năng tăng trưởng tốt.
- ▶ Trái phiếu: Phần lớn được đầu tư vào các trái phiếu có độ rủi ro thấp như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện thị trường, một phần sẽ được đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp có mức lợi nhuận kỳ vọng tốt so với mức rủi ro tăng thêm.

#### 4. Phân loại Quỹ:

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 37/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 7 năm 2017 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 28/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 11 năm 2017.

#### 5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

#### 6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):

Mức độ rủi ro ngắn hạn của Quỹ ở mức trung bình.

#### 7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 22 tháng 11 năm 2017.

#### 8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 20.490.709,23 tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 204.907.092.300 đồng.

#### 9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:

Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu.

#### 10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Quỹ sẽ chia lợi nhuận khi điều kiện cho phép. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) của Quỹ sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ, theo đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ, và được sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG MANULIFE (“QUỸ”) (tiếp theo)

#### 10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ (tiếp theo)

Quỹ sẽ chỉ xem xét việc phân phối lợi nhuận từ các nguồn sau đây và với các điều kiện sau đây:

- ▶ Lợi nhuận lũy kế của Quỹ cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
- ▶ Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động.
- ▶ Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà Đầu Tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).

Cổ tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng Đơn Vị Quỹ. Nhà Đầu Tư có quyền lựa chọn hình thức phân chia lợi nhuận (nếu có) của Quỹ: (1) tiền mặt và/hoặc; (2) Đơn Vị Quỹ. Chỉ những Nhà Đầu Tư có tên trên danh sách Nhà Đầu Tư sở hữu trên một Đơn Vị Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.

#### 11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là 3.760 VND.

### II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

#### 1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (%)
Cổ phiếu	49,72	48,10	43,79
Trái phiếu doanh nghiệp	10,38	11,83	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	23,56	5,19	20,81
Các tài sản khác	16,34	34,88	35,40
<b>Tổng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

### 2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ	309.455.193.008	170.118.550.591	130.527.542.342
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	20.490.709,23	14.495.446,15	12.887.934,94
2.3. Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị CCQ	15,102	11,736	10,128
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	15,175	11,736	10,450
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	11,653	8,739	9,471
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	28,68	15,88	5,99
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	480,97	704,42	127,87
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)
2.12. Ngày chốt quyền	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,77	1,96	1,86
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	71,02	75,26	36,31

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

(c) Do Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 22 tháng 11 năm 2017, chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.

### 3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
- 1 năm	28,68	28,68
- 3 năm	58,04	16,48
- Từ khi thành lập	51,04	10,55

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 4. Tăng trưởng hàng năm:

Thời kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	28,68	15,88

## III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

Thị trường chứng khoán: Covid19 tiếp tục là điểm nóng trong năm 2021 đối với Việt Nam khi những biến chứng mới gây ra đợt bùng phát tại các trung tâm kinh tế lớn dẫn đến những đợt giãn cách toàn xã hội. Việt Nam đã nỗ lực nâng cao tỷ lệ tiêm chủng toàn dân, thay đổi chiến lược kiểm soát dịch bệnh nhưng vẫn duy trì được các hoạt động kinh tế theo tình trạng "bình thường mới" nhờ đó nền kinh tế đã có những dấu hiệu hồi phục tích cực từ mức thấp trong Q3/2021. Trong hoàn cảnh đó, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn có mức tăng trưởng đáng kể với sự hỗ trợ từ dòng tiền đầu tư của các nhà đầu tư mới (F0). Kết thúc năm 2021, chỉ số VN Index đã đóng cửa ở mức 1498 điểm, tương đương với mức tăng 35.7% từ cuối năm 2020 và là một trong những thị trường chứng khoán tăng trưởng tốt nhất trên thế giới

Thị trường trái phiếu: Tính đến cuối năm 2021, lãi suất trái phiếu kỳ hạn ngắn dưới 5 năm tăng khoảng 0.20-0.40% so với thời điểm cuối năm 2020 trong khi lãi suất trái phiếu trung và dài hạn giảm khoảng 0,23-0,33%.

## IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	Một năm đến thời điểm báo cáo (%)	Ba năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	85,22	444,54	495,65
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	28,68	58,04	51,04
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	28,68	16,48	10,55
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	n/a (a)	n/a (a)	n/a (a)
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	n/a (b)	n/a (b)	n/a (b)

(a) Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu

(b) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

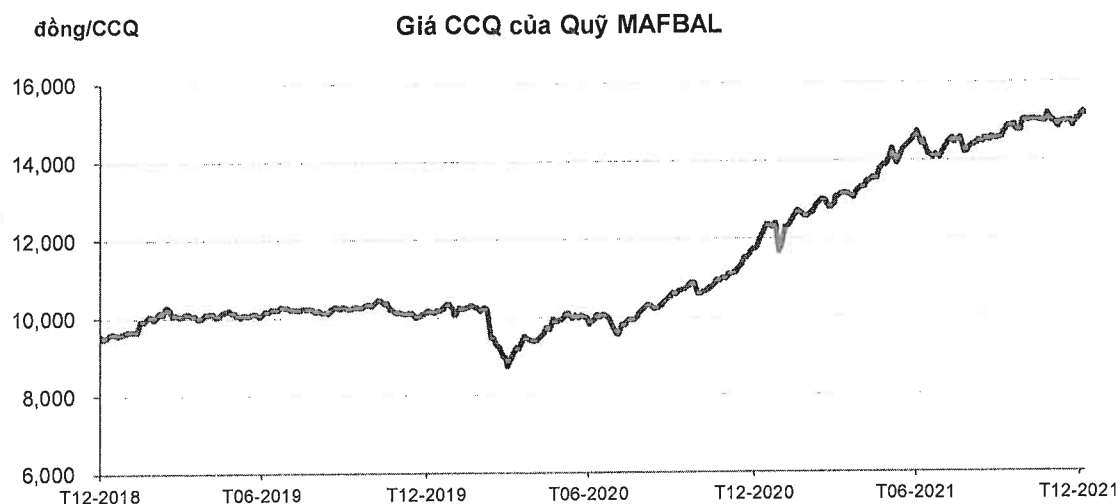
# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo):

### 1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

- Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:



- Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Chênh lệch
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	309.455.193.008	170.118.550.591	81,91%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	15.102	11.736	28,68%

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo):

### 1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Nguyên nhân tăng giảm quy mô Quỹ, giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ như sau:

CHỈ TIÊU	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ đầu năm</b>	<b>170.118.550.591</b>
<b>Thay đổi NAV trong năm</b>	
Trong đó:	
- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	54.662.583.245
<b>Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ</b>	<b>84.674.059.172</b>
Trong đó:	
- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	132.354.060.689
- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(47.680.001.517)
<b>NAV của Quỹ cuối năm</b>	<b>309.455.193.008</b>
<b>Số lượng CCQ đầu năm</b>	<b>14.495.446,15</b>
Số lượng CCQ phát hành bổ sung	9.327.933,00
Số lượng CCQ mua lại	(3.332.669,92)
<b>Số lượng CCQ cuối năm</b>	<b>20.490.709,23</b>
<b>NAV/CCQ đầu năm</b>	<b>11.736</b>
<b>NAV/CCQ cuối năm</b>	<b>15.102</b>

### 2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	1.551	1.822.582,49	8,89%
Từ 5.000 - 10.000	161	1.134.679,22	5,54%
Từ 10.000 đến 50.000	181	3.750.551,54	18,30%
Từ 50.000 đến 500.000	22	2.315.963,02	11,30%
Trên 500.000	3	11.466.932,96	55,96%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.918</b>	<b>20.490.709,23</b>	<b>100,00%</b>

### 3. Chi phí ngấm và giảm giá

Quỹ không có chi phí ngấm. Tất cả các chi phí của Quỹ được quy định chi tiết trong điều lệ Quỹ và bản cáo bạch.



# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Năm 2022 được kỳ vọng là một năm tích cực đối với nền kinh tế Việt Nam sau khi bị ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh trong năm vừa qua. Theo đó, nền kinh tế được dự đoán sẽ quay trở lại mức tăng trưởng trước khi đại dịch xảy ra (6%-7% mỗi năm) với nền tảng là sự hồi phục của các hoạt động sản xuất, nhu cầu tiêu dùng nội địa và các thị trường xuất khẩu. Đặc biệt là sự trở lại của nhóm ngành dịch vụ đang trở nên khả quan hơn khi Việt Nam cũng như các nước khác đang dần đạt được ngưỡng tiêm phòng vắc-xin cao để có thể nối lại các hoạt động du lịch, nghỉ dưỡng sau một thời gian đình trệ. Tuy vậy, vẫn có những nhân tố thách thức từ trong nước (lạm phát cao, lãi suất tăng, thiếu hụt lao động, v.v...) và ngoài nước (FED giảm chương trình thu mua tài sản, đà tăng trưởng của Trung Quốc bị chậm lại, v.v...) sẽ phần nào tác động đến thị trường chứng khoán ở Việt Nam.

Trong tầm nhìn dài hạn, với sự ổn định của nền kinh tế, thị trường cổ phiếu Việt Nam được dự đoán là một kênh đầu tư mang lại hiệu quả đầu tư tốt cho các nhà đầu tư. Sự phát triển của thị trường chứng khoán theo thời gian, cả về số lượng và chất lượng hàng hóa cũng như thanh khoản thị trường, sự minh bạch thông tin đem lại cơ hội tăng trưởng chung cho cổ phiếu và tạo ra những cơ hội đầu tư tốt. Vì vậy, chúng tôi tin rằng thị trường chứng khoán sẽ còn nhiều tiềm năng tăng trưởng trong tương lai.

Thị trường trái phiếu Việt Nam có nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai khi mà theo lộ trình phát triển thị trường trái phiếu Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, tỷ trọng dư nợ trái phiếu được đặt mục tiêu tăng lên 65% GDP vào cuối năm 2030. Trong đó, dư nợ thị trường trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương đạt khoảng 45% GDP vào năm 2030, dư nợ thị trường trái phiếu doanh nghiệp đạt khoảng 20% GDP vào năm 2030..

### VI. THÔNG TIN KHÁC

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách nhiệm hữu hạn ("TNHH") Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 04/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 6 năm 2005.

#### 1. Ban điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ")

##### Bà Trịnh Bích Ngọc - Chủ tịch

*Trình độ chuyên môn*

- Tốt nghiệp Học viện Quan hệ Quốc tế, Postdam, CHDC Đức cũ.
- Học vị FLMI do Hiệp hội Quốc tế đào tạo chuyên ngành tài chính bảo hiểm LOMA cấp.
- Kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán do UBCKNN Việt Nam đào tạo.

*Kinh nghiệm làm việc*

- 1990 - 1994: Cán bộ tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, CARE International.
- 1994 - 2000: Trợ lý Trưởng Đại diện, VPĐD Công ty Manulife Financial (Canada) tại Hà Nội.
- 2000 - nay: Giám đốc Điều hành, Chi nhánh Hà Nội, Công ty TNHH Manulife Việt Nam.
- 2006 - nay: Chủ tịch, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

#### 2. Đội ngũ quản lý đầu tư Công ty Quản lý Quỹ

##### Bà Trần Thị Kim Cương, CFA - Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư

*Trình độ chuyên môn*

- Thạc sĩ kinh doanh Đại học Monash, Melbourne, Úc, chuyên ngành Tài chính và Kế toán.
- Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst).
- Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### 2. Đội ngũ quản lý đầu tư Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

##### **Bà Trần Thị Kim Cương, CFA - Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư (tiếp theo)**

###### *Kinh nghiệm làm việc (tiếp theo)*

- 2001 - 2002: Kiểm toán viên công ty kiểm toán KPMG Việt Nam.
- 2003 - 2006: Giảng viên Khoa Kế toán Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.
- 2007 - 2010: Chuyên viên phân tích cấp cao, Phó phòng Đầu tư cổ phiếu, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).
- 2010 - 2011: Trưởng phòng kế hoạch và đầu tư Công ty PepsiCo Việt Nam.
- 2011 - tháng 5 năm 2015: Giám đốc Đầu tư cổ phiếu, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) (trước đây là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam).
- Từ tháng 5 năm 2015 - nay: Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

##### **Bà Nguyễn Minh Hằng – Trưởng phòng Đầu Tư Cổ Phiếu**

###### *Trình độ chuyên môn*

- Cử nhân Luật Quốc tế, Học viện Quan hệ Quốc Tế Việt Nam
- Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng, Đại học Kinh Tế TP. HCM
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh MBA, Học việc đào tạo quản lý Đại học Rennes (Pháp)
- Chứng chỉ Hành Nghề Quản Lý Quỹ do UBCKNN cấp

###### *Kinh nghiệm làm việc*

- 2006 - 2015: Chuyên viên đầu tư cấp cao, VPĐD Công ty Quản lý Quỹ Tong Yang Việt Nam
- 2016 - 2017: Chuyên viên đầu tư cấp cao, Công ty Quản lý Quỹ VinaCapital
- 2017 - 2017: Trưởng phòng Tài chính, Công ty TNHH Nguồn Sống
- 2018 - 2020: Trợ lý Đầu tư cấp cao của Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc đầu tư, Công Ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
- 2020 - 11/2021: Chuyên viên Phân tích đầu tư cấp cao, Công Ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)
- Từ 12/2021: Trưởng phòng Đầu Tư Cổ Phiếu Công Ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)

##### **Bà Nguyễn Liêu Thanh Vân – Chuyên viên phân tích đầu tư**

###### *Trình độ chuyên môn*

- Tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Đại học City University, London.
- Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

###### *Kinh nghiệm làm việc*

- 2009 - nay: Chuyên viên phân tích đầu tư, phòng Đầu Tư Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

##### **Ông Nguyễn Đức Hải, CFA - Giám đốc Đầu tư Chứng Khoán có lãi suất cố định**

###### *Trình độ chuyên môn*

- Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng, Đại học Ghent, Vương quốc Bỉ.
- Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst).
- Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 2. Đội ngũ quản lý đầu tư Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

**Ông Nguyễn Đức Hải, CFA - Giám đốc Đầu tư Chứng Khoán có lãi suất cố định** (tiếp theo)

*Kinh nghiệm làm việc*

- 2006 - 2011: Trưởng phòng Phân tích - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.
- 2011 - nay: Giám đốc Đầu tư Chứng khoán thu nhập cố định, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

### 3. Ban Đại diện quỹ

**Ông Đinh Thế Hiền - Chủ tịch Ban đại diện Quỹ**

*Trình độ chuyên môn*

- Tốt nghiệp Cử nhân Kế toán, Đại học Tài chính - Kế toán TPHCM.
- Tốt nghiệp Kỹ sư máy tính, Đại học Bách khoa TPHCM.
- Thạc sỹ Tài chính, Đại học Kinh tế TPHCM.
- Tiến sỹ Tài chính, Đại học Capitol.

*Kinh nghiệm làm việc*

- 1993 - 1995: Chủ nhiệm bộ môn Tin học - Kế toán, Trường Kinh tế Đối ngoại Trung ương.
- 1997 - 2003: Phó phòng thẩm định, Quỹ Đầu tư phát triển đầu tư TPHCM.
- 2007 - 2010: Trưởng khoa Tài chính kế toán, Đại học Công nghệ thông tin Gia Định.
- 2004 - 2014: Viện Trưởng Viện Nghiên cứu Tin học và Kinh tế ứng dụng.
- 2007 - nay: Ủy viên Ủy Ban chiến lược, ngân hàng Eximbank.

**Bà Nguyễn Lê Bích Đào - Thành viên Ban đại diện Quỹ**

*Trình độ chuyên môn*

- Tốt nghiệp Cử nhân Anh văn, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn TPHCM.
- Tốt nghiệp Cử nhân Luật thương mại, Đại học Luật TPHCM.
- Thạc sỹ Luật thương mại quốc tế, Đại học West of England.
- Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

*Kinh nghiệm làm việc*

- 2002 - 2004: Luật sư tập sự, công ty Luật Hoàng Quân.
- 2005 - 2008: Luật sư, công ty Luật Russin & Vecchi.
- 2009 - 2010: Luật sư, công ty Luật Mayer Brown JSM.
- 2010 - 2012: Giám đốc Pháp lý và Tuân thủ, công ty TNHH Quản lý Quỹ Prudential (nay là Eastspring).
- 2012 - nay: Giám đốc, trưởng phòng Pháp lý và Tuân thủ, công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).

# Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 3. Ban Đại diện quỹ (tiếp theo)

#### Ông Võ Sáng Xuân Vinh - Thành viên Ban đại diện Quỹ

*Trình độ chuyên môn*

- Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế quốc tế, Đại học Ngoại thương.
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Trung tâm Pháp Việt đào tạo quản lý.
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính quốc tế, Đại học Birmingham.
- Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst).
- Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp.

*Kinh nghiệm làm việc*

- 1997 - 1998: Trợ lý kiểm toán, công ty kiểm toán PricewaterhouseCoopers.
- 1998 - 2001: Phó phòng thẩm định, Quỹ đầu tư phát triển đô thị TPHCM.
- 2001 - 2003: Cán bộ đầu tư, Mekong Capital.
- 2003 - 2005: Phó Giám đốc, công ty TNHH Tư Vấn và Phát Triển Công Nghệ ECO.
- 2005 - 2007: Trưởng Đại diện tại Việt Nam, Giám đốc Đầu tư, Văn phòng Đại diện Thường trú Aueros Philippine Adviser, Inc.
- 2008 - 2012: Thành viên Ban Kiểm soát, công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam. Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sài Gòn.
- 2012 - nay: Phó Giám đốc, công ty TNHH Tư vấn Sóng Xanh.



Bà Trần Thị Kim Cương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

## Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

### BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) là ngân hàng Giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife ("Quỹ MAFBAL" hay "Quỹ") cho kỳ báo cáo niên độ năm 2021, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong năm 2021, Quỹ MAFBAL đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) ("Công ty Quản lý Quỹ hoặc CTQLQ") đã tuân thủ các hạn chế đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số thời điểm, Quỹ MAFBAL có phát sinh các sai lệch về hạn chế đầu tư do biến động giá chứng khoán trên thị trường. Tổng các hạng mục đầu tư lớn chiếm trong tổng giá trị tài sản của Quỹ vượt hạn mức tối đa 40% quy định tại khoản 1.g, điều 9 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.e, điều 35 của thông tư 98/2020/TT-BTC ("thông tư 98"): "Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ". Tại các kỳ báo cáo có phát sinh sai lệch, chúng tôi đã gửi thông báo đến CTQLQ và đề nghị CTQLQ điều chỉnh danh mục đầu tư của Quỹ theo đúng thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ và thông tư 98.

Theo ghi nhận của chúng tôi, các sai lệch của Quỹ MAFBAL đã được CTQLQ khắc phục theo đúng thời hạn quy định tại điều lệ Quỹ và thông tư 98 với chi tiết như sau:

Sai lệch về hạn chế đầu tư phát sinh tại kỳ báo cáo xác định giá trị tài sản ròng ("GTTSR") chốt ngày	Tổng các hạng mục đầu tư lớn/ tổng giá trị tài sản của Quỹ tại kỳ báo cáo GTTSR phát sinh sai lệch	Sai lệch đã được khắc phục tại kỳ báo cáo xác định GTTSR chốt ngày	Sai lệch đã được khắc phục tại ngày định giá	Tổng các hạng mục đầu tư lớn/ tổng giá trị tài sản của Quỹ sau khi sai lệch được khắc phục	Ghi chú
07/01/2021	40,46%	28/01/2021	29/01/2021	34,98%	Do biến động giá chứng khoán trên thị trường
10/01/2021	40,78%				
14/01/2021	45,83%				
17/01/2021	40,75%				
21/01/2021	40,83%				
24/01/2021	40,66%				
04/02/2021	40,93%	18/03/2021	19/03/2021	15,43%	CTQLQ điều chỉnh danh mục đầu tư lớn của Quỹ vào ngày 18/03/2021
07/02/2021	40,88%				
18/02/2021	42,70%				
21/02/2021	42,41%				
25/02/2021	41,97%				
28/02/2021	42,04%				
04/03/2021	42,39%				
07/03/2021	41,85%				
11/03/2021	42,99%				
14/03/2021	43,02%				



## Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Manulife

### BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT (tiếp theo)

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ MAFBAL đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ MAFBAL đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;
- d) Các nội dung liên quan đến phân phối lợi nhuận của Quỹ MAFBAL phát sinh trong kỳ báo cáo: không có; và
- e) Công ty Quản lý Quỹ đã tuân thủ các quy định về hạn chế vay, hạn chế giao dịch được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan.



Đại diện Ngân hàng Giám sát

Ông James Estaugh  
Giám Đốc Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

Bà Lê Thị Hoàng Châu  
Trưởng Phòng Bộ Phận Nghiệp Vụ Chứng Khoán

